

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN L
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 24/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 18/4/2025

V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L, TỈNH ĐỒNG THÁP

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Kim Xuyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Phượng;

2. Ông Nguyễn Văn Thế.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Hoàng Duy - Kiểm sát viên.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Huỳnh Thị Diễm Quỳnh - Thư ký Toà án nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 18/4/2025, tại Phòng xử án Toà án nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Tháp xét xử công khai vụ án sơ thẩm thụ lý số: 66/2025/TLST-HNGĐ ngày 27/02/2025 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 71/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 31/3/2025, giữa:

1. Nguyên đơn: Bà Trương Thị Đ, sinh năm 1968.

Địa chỉ: Số A, ấp A, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1968.

Địa chỉ: Số A, ấp A, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Có đơn xin vắng mặt: Bà Đ, ông T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 06/02/2025 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trương Thị Đ trình bày:

Về hôn nhân: Năm 1989, bà Trương Thị Đ về sống chung với ông Nguyễn Văn T tại xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp, không đăng ký kết hôn. Sống chung hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn do ông T có mối quan hệ với người phụ nữ khác bên ngoài. Mặc dù sống chung nhưng không ai quan tâm đến ai, cuộc sống ai nấy sống. Nay tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn tình cảm. Nay, bà Trương Thị Đ yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

Về con chung : Bà Đ và ông T1 có 01 chung tên Nguyễn Vương Quốc T2, sinh năm 1991, hiện nay đã đủ tuổi trưởng thành, đủ năng lực hành vi dân sự nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà Đ có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 31/3/2025.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Văn T trình bày:

Ông Nguyễn Văn T thống nhất với lời trình bày của bà Trương Thị Đ về thời gian sống chung, không đăng ký kết hôn, thời gian chung sống hạnh phúc, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do không còn tình cảm, bất đồng quan điểm sống; thông tin và tình trạng hiện tại của con chung của vợ chồng.

Ông Nguyễn Văn T xác định từ khi sinh ra đến nay, ông T chỉ đăng ký cư trú tại xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp và ông T cũng có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 31/3/2025.

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị Đ, ông T có ý kiến:

- Về hôn nhân: Ông Nguyễn Văn T đồng ý yêu cầu ly hôn theo yêu cầu của bà Trương Thị Đ.

- Về nuôi con chung: Nguyễn Vương Quốc T2, sinh năm 1991, hiện nay đã đủ tuổi trưởng thành, đủ năng lực hành vi dân sự nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Từ khi thụ lý đơn yêu khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án dân sự cũng như tại phiên tòa Thẩm phán và Thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Người tham gia tố tụng chấp hành pháp luật đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 9, 14 Luật hôn nhân và gia đình không công nhận bà Trương Thị Đ và ông Nguyễn Văn T là vợ chồng, về con chung, tài sản chung và nợ chung không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Bà Trương Thị Đ khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn T cho nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ Luật tố tụng dân sự xác định tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án và quan hệ pháp luật là: Tranh chấp ly hôn.

[1.2] Về thẩm quyền: Bị đơn Ông Nguyễn Văn T đăng ký thường trú tại địa chỉ: Số A, ấp A, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[1.3] Bà Đ và ông T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt đề ngày 31/3/2025, do đó Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại các Điều 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân:

- Bà Trương Thị Đ và ông Nguyễn Văn T sống chung như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn: Bà Đ và ông T đều thừa nhận, ông bà đã sống chung như vợ chồng từ năm 1989, tại xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp nhưng không đăng ký kết hôn. Điều này phù hợp với Công văn số 275/UBND ngày 13/3/2025 của UBND xã Đ (nơi cư trú của bà Đ trước khi về sống chung với ông T) cung cấp thông tin *“không thấy thông tin bà Trương Thị Đ, sinh năm 1968 đăng ký kết hôn với ai từ năm 1986 đến 1990”* và Công văn số 286/UBND-HC ngày 06/3/2025 của UBND xã B (nơi cư trú từ trước đến nay của ông T, nơi cư trú hiện nay của bà Đ) cung cấp thông tin *“bà Trương Thị Đ có chồng là ông Nguyễn Văn T (chưa đăng ký kết hôn)”*. Cho nên, có đủ cơ sở để xác định việc không đăng ký kết hôn của bà Đ và ông T đã không tuân thủ quy định tại Điều 9 và không phát sinh quyền, nghĩa vụ vợ và chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình.

- Về mâu thuẫn trong quá trình sống chung: Bà Đ và ông T thừa nhận sống chung hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, ông T có mối quan hệ khác với phụ nữ khác bên ngoài, mặc dù sống chung nhà nhưng không ai quan tâm đến ai. Nay tình cảm không còn nên bà Đ và ông T đồng ý ly hôn.

Từ những nhận định trên, căn cứ khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: *2. Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này...*”, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đ, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Trương Thị Đ và ông Nguyễn Văn T.

[2.2] Về con chung: Bà Đ và ông T có 01 con chung tên Nguyễn Vương Quốc T2, sinh năm 1991 là người thành niên, bà Đ và ông T xác định con chung không thuộc trường hợp mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết là đảm bảo quyền tự quyết và định đoạt của đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Đ và ông T không yêu cầu giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết là đảm bảo quyền tự quyết và định đoạt của đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L đề nghị không công nhận bà Trương Thị Đ và ông Nguyễn Văn T là vợ chồng, về con chung, tài sản chung và nợ chung không xem xét là phù hợp nên chấp nhận.

[4] Về án phí: Bà Đ phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[5] Về quyền kháng cáo: Bà Đ và ông T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định tại Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 9, Điều 14, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị Đ.

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Trương Thị Đ và ông Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Tòa án không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm: Bà Trương Thị Đ phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0005544 ngày 27/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

5. Về quyền kháng cáo: Bà Trương Thị Đ và ông Nguyễn Văn T có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

6. Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- UBND xã B, h. L, tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VT (kx).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Kim Xuyên